

Số: /QĐ-MNMV

Muờng Vi , ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán bổ sung năm 2025
của Trường MN Muờng Vi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MUỜNG VI

Căn cứ nghị định số 163/201/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 7/3/2025 của UBND huyện Bát Xát về việc phân bổ, bổ sung dự toán chi ngân sách huyện năm 2025;

Căn cứ quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Bát Xát về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách huyện Bát Xát năm 2025;

Căn cứ thông báo số 10/TB-TCKH ngày 14/4/2025 của Phòng Tài chính Kế hoạch Bát Xát về việc thông báo dự toán kinh phí chi ngân sách nhà nước năm 2025.

Căn cứ thông báo số 16/TB-TCKH ngày 6/5/2025 của Phòng Tài chính Kế hoạch Bát Xát về việc thông báo dự toán kinh phí chi ngân sách nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán bổ sung năm 2025 của trường Mầm non Muờng Vi theo biểu đính kèm.

Điều 2. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận cá nhân thuộc đơn vị trường Mầm non Mường Vi căn cứ thực hiện quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, KT

HIỆU TRƯỞNG

Lý Tuyết Mai

Đơn vị : Trường Mầm Non Mường Vi

Chương: 622

CÔNG KHAI DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-MNMV ngày /5/2025 của Hiệu trưởng trường MN Mường Vi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí	-		
1.1	Lệ phí			
	Học phí			
1.2	Phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-		
2.1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2.2	Chi phí quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
3.1	Lệ phí			
	Học phí			
3.2	Phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.695.731.000	833.807.000	4.529.538.000
	Tổng số chi	3.695.731.000	833.807.000	4.529.538.000
	Biên chế giao	16		16
a	Dự toán chi lương+ chi thường xuyên	3.355.920.000	18.807.000	3.374.727.000
	Tiết kiệm 10% chi TX để bổ chi CCTL	24.000.000		24.000.000
	Chi lương và các khoản phụ cấp	3.115.920.000	18.807.000	3.134.727.000
	Lương theo NĐ 38/2019/NĐ-CP	1.328.130.000		1.328.130.000
	Lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	745.390.000		745.390.000
	Kinh phí quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	146.500.000		146.500.000
	PC thâm niên nghề theo NĐ 77/2021/NĐCP	720.700.000		720.700.000
	PC ưu đãi theo QĐ 244/2005/QĐ-TTg	175.200.000		175.200.000
	Kinh phí bổ sung phụ cấp thu hút theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP		18.807.000	18.807.000

	Chi thường xuyên tính theo biên chế	240.000.000		240.000.000
b	Dự toán chi các nhiệm vụ khác	339.811.000	815.000.000	1.154.811.000
	Tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo NĐ 105/2020/NĐ-CP	99.360.000		99.360.000
	Chính sách GVMN theo NĐ 105/2020/NĐ-CP	16.200.000		16.200.000
	Kinh phí cấp bù học phí cấp Mầm Non theo NQ số 23/2022/NQ-HĐND	16.328.000		16.328.000
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho nhà trẻ 24-36 tháng theo NQ 29/2020-NQ-HĐND	21.600.000		21.600.000
	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	60.750.000		60.750.000
	Cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	10.283.000		10.283.000
	Cập nhật, gia hạn phần mềm	22.000.000		22.000.000
	Kinh phí tiền điện	2.800.000		2.800.000
	Kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục năm 2025	4.100.000		4.100.000
	Kinh phí mua sắm sửa chữa thiết bị cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy năm học 2024-2025	45.000.000		45.000.000
	Kinh phí trả hợp đồng lao động bảo vệ năm 2025	41.400.000		41.400.000
	Kinh phí xây dựng trường chuẩn Quốc Gia		795.000.000	795.000.000
	Kinh phí mua phần mềm quản lý học liệu số và thiết kế bài giảng điện tử		20.000.000	20.000.000